TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thơm
Bà Nguyễn Thị Thắm

Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: *Bà Lê Thị Hằng* - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 306/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Trần Ngọc A**, sinh năm: 1996
Địa chỉ: Đội 4, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Trung T**, sinh năm: 1993
Địa chỉ: 271/4, ấp D, xã Gia T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(chị A có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Trần Ngọc A trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Nguyễn Trung T quen biết, tìm hiểu thương nhau được khoảng 02 năm và tự nguyện đi đến kết hôn tại UBND xã G, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/03/2017. Đây là hôn nhân lần đầu của chị A.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình chị A tại ấp Đông Kim, xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm đến năm 2019 thì thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh T không lo lắng, quan tâm đến gia đình mà thường gặp gỡ bạn bè nhậu say về nhà chửi bới vợ con, thậm chí còn đăng tải những tin nhắn trên mạng xã hội

chửi bới, xúc phạm chị A và bố mẹ chị A. Ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, chi tiêu trong gia đình, mỗi tháng đi làm về anh T đưa tiền về cho chị A lo cho gia đình nhưng tính tình anh T ích kỷ bắt chị A ghi ra các khoản chi tiêu hàng tháng, nhiều lần còn kiếm chuyện gây gổ với chị A.

Rất nhiều lần chị A khuyên can và cho anh T cơ hội thay đổi nhưng anh T vẫn không thay đổi tính tình, vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung.

Cuối năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã về tiền bạc nên đã sống ly thân đến cuối năm 2020 khi được gia đình hai bên hòa giải thì vợ chồng có về sống chung với nhau nhưng vợ chồng chỉ sống chung được khoảng 02 tuần rồi tiếp tục cãi vã, bất hòa nên từ đầu năm 2021 đến nay vợ chồng không sống chung nhà với nhau, anh T đã về nhà cha mẹ đẻ sống tại số nhà 271/4, ấp D, xã G, huyện T. Kể từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm, yêu thương nhau, việc ai nấy làm.

Nay chị A xác định không còn tình cảm với anh T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày: 04/10/2017. Hiện nay con chung đang sống chung cùng chị A. Khi ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tạm thời chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay nghề nghiệp của chị A làm công nhân, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000đ (thực tế thu nhập như thế nào chị A khai như vậy chứ không có chứng cứ chứng minh). Ngoài ra chị A còn được bố mẹ phụ giúp trong việc nuôi dạy con chung nên chị A đủ khả năng nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản: Chị Phạm Trần Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng: Không có

** Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2021 anh Nguyễn Trung Toàn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị A quen biết, yêu thương nhau được khoảng 02 năm thì tự nguyện đi đến đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/3/2017.Đây là hôn nhân lần đầu của anh T.

Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm được hai năm sau khi kết hôn thì xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình.Ngoài ra không còn mâu thuẫn gì khác.

Từ cuối năm 2019 đến nay vợ chồng không sống chung nhà với nhau, chị A và con đã về nhà cha mẹ đẻ chị A sống tại G, huyện T. Kể từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm, yêu thương nhau, việc ai nấy làm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải, khuyên căn về đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung và không đồng ý quay về đoàn tụ.

Đến nay anh T xác định không còn tình cảm với chị A, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T đồng ý ly hôn với chị A nhưng anh không đồng ý ký biên bản thuận tình ly hôn vì anh theo đạo công giáo, anh đề nghị tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày: 04/10/2017. Khi ly hôn anh T đồng ý giao con chung cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.Tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại anh T làm nghề lái xe Bus, thu nhập trung bình mỗi tháng là 10.000.000đ (mười triệu đồng) thực tế thu nhập anh T khai như vậy chứ không có chứng cứ chứng minh.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng: Không có

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:***

Về tố tụng*:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật. Thời hạn giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày: 04/10/2017 cho chị A trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Phạm Trần Ngọc A khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Trung T có nơi cư trú tại: số nhà 271/4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Trung T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Xét quan hệ tranh chấp trong vụ án:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị Phạm Trần Ngọc A và anh Nguyễn Trung T tự nguyện yêu thương nhau và đi đến kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/3/2017. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của chị A và anh T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Trần Ngọc A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo trình bày của chị A và anh T mặc dù không có sự thống nhất về nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên anh chị đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Trong cuộc sống gia đình anh chị đã thiếu sự yêu thương, nhường nhịn và tôn trọng lẫn nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát lẫn nhau. Mâu thuẫn kéo dài đã làm ảnh hưởng đến tình cảm của vợ chồng nên anh chị đã phải sống ly thân, nhiều lần anh chị đã được bố mẹ hai bên hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục.

Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do mâu thuẫn vợ chồng chị không thể khắc phục, giữa chị và anh T không còn tình cảm yêu thương lẫn nhau, anh T cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên anh T đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh T không hợp tác tham gia phiên hòa giải tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong cuộc sống của chị A và anh T đã để xảy ra mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục, cuộc sống chung của anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng ly hôn của chị A là chính đáng, căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ánh.

[2.2] Xét về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày: 04/10/2017. Khi ly hôn chị A và anh T thống nhất thỏa thuận về việc chị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung của chị A và anh T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị A và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị A và anh T trình bày không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa

án, chị A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con của chị Phạm Trần Ngọc A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Trần Ngọc A và anh Nguyễn Trung T.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Phạm Trần Ngọc A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày: 04/10/2017. Tạm thời anh Nguyễn Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Trung T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006647 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; chị A đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã G, h Thống Nhất,
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Quang Phúc